

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2006-2020

LTS: Để nhanh chóng đáp ứng yêu cầu của đất nước trong giai đoạn mới, giáo dục đại học Việt Nam phải đổi mới mạnh mẽ, cơ bản và toàn diện. Tại phiên họp Chính phủ tháng 7/2005, Chính phủ đã quyết nghị về Đề án đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020. Sau đây, chúng tôi xin trân trọng trích giới thiệu cùng bạn đọc mục B, C của phần I, phần II và phần III của bản Đề án quan trọng này.

I. SỰ BỨC THIẾT PHẢI ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

A. Bối cảnh quốc tế, trong nước...

B. Những thành tựu và yếu kém của hệ thống giáo dục đại học

1. Thành tựu

a) Trong 60 năm qua, giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước.

b) Cùng với quá trình đổi mới của đất nước trong gần hai thập niên qua hệ thống GDĐH nước ta đã tiến hành nhiều đổi mới và đạt một số kết quả quan trọng: tạo được hướng đi cho GDĐH Việt Nam trong điều kiện kinh tế Việt Nam chuyển sang cơ chế thị trường; xác định cơ cấu hệ thống trình độ cơ bản thích hợp; đa dạng hoá mục tiêu phục vụ nhiều thành phần kinh tế, đa dạng hóa các loại trường về mô hình và sở hữu; cấu trúc lại chương trình đào tạo, xây dựng quy trình đào tạo theo học phần, bước đầu áp dụng học chế tín chỉ, đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Các đổi mới đó nhằm cố gắng thu hẹp khoảng cách tụt hậu giữa đại học Việt Nam với đại học khu vực, bảo đảm cho GDĐH nước ta đứng vững và phát triển, từng bước mở rộng quy mô đào tạo (năm học 2003-2004 có 1.032.000 sinh viên đại học, trong đó gần 12% ở các trường ngoài công lập, 33.000 học viên sau đại học, gần 40.000 giảng viên).

2. Yếu kém

Tuy có nhiều cố gắng đổi mới nhưng nhìn chung sự chuyển biến của GDĐH nước ta còn chậm và vẫn đang ở trong *trình trạng yếu kém, bất cập*. Trước hết, có thể nói yếu kém lớn nhất, gây nhiều lo lắng trong xã hội và làm trở ngại tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế là *sự bất cập về khả năng đáp ứng của hệ thống GDĐH đối với yêu cầu*

đào tạo nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá và nhu cầu học tập của nhân dân, biểu hiện cụ thể như sau:

a) Chất lượng đào tạo thấp, hiệu quả không cao, học chưa gắn chặt với hành, nhân lực được đào tạo yếu về năng lực và phẩm chất; chưa bình đẳng về cơ hội tiếp cận.

b) Quy mô chưa đáp ứng cho công nghiệp hoá - hiện đại hoá (còn là GDĐH cho số ít người, chỉ đạt 10% tỉ lệ độ tuổi được học đại học); mất cân đối về cung cầu.

c) Cơ cấu hệ thống và nhà trường còn nhiều bất hợp lý, mạng lưới trường đại học và viện nghiên cứu bị tách biệt, làm giảm hiệu quả đầu tư và chất lượng đào tạo, nghiên cứu; công tác nghiên cứu trong các trường đại học chưa được chú ý đúng mức và không đồng đều, chưa gắn kết được giữa giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ đời sống xã hội; chưa có sự phân tầng của các trường về chức năng, nhiệm vụ; quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các trường không cao.

d) Nguồn lực hạn hẹp, chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách hạn hẹp của nhà nước và học phí nhỏ bé (do thói quen bao cấp còn nặng nề, cơ chế huy động thành phần ngoài công lập chưa thích hợp, nguồn lực từ nghiên cứu triển khai nhỏ bé, thiếu cơ chế chính sách phù hợp và các trường thiếu chủ động trong việc khai thác nguồn lực trong xã hội...).

đ) Chương trình đào tạo cứng nhắc, thiếu linh hoạt, nặng phần lí thuyết, nhẹ phần thực hành, chậm hội nhập. Cơ cấu ngành nghề đơn điệu, thiếu chú trọng mảng kiến thức khoa học xã hội, nặng về truyền đạt kiến thức mà nhẹ về dạy phương pháp học tập, kĩ năng và thái độ; quy trình đào tạo còn đóng kín, cứng nhắc, thiếu mềm dẻo, thiếu liên thông (chưa tận dụng triệt để mô hình mở, biện pháp mô đun hóa và đa giai đoạn).

e) Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lí



hăng hụt, không đáp ứng nhu cầu đổi mới cả về số lượng và trình độ; thiếu nghiêm trọng loại chuyên gia nghiên cứu và thiết kế chính sách GDĐH; đội ngũ giảng viên ít nghiên cứu khoa học.

g) Quản lí vĩ mô đối với hệ thống đại học vẫn nặng tính hành chính bao cấp, bao biện, ôm đồm nhưng rất quan liêu, cơ chế chính sách chưa tạo ra tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các trường về nhân sự, về hạch toán thu chi, về sản phẩm do họ tạo ra, chưa tạo được sự cạnh tranh cần thiết để phát triển GDĐH trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quản lí ở các trường đại học chưa đổi mới, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và thói quen của nền kinh tế bao cấp.

h) Quy hoạch phát triển trường không rõ ràng, không mang tính dài hạn; bố trí không hợp lí trên lãnh thổ, làm giảm hiệu quả đầu tư; xây dựng hạ tầng mang tính chất tình thế nên công trình xây dựng manh mún; từ các thành phố trung ương đến tỉnh, thành, địa phương chưa quy hoạch thành khu phát triển đại học cho lâu dài...

Tóm lại, đổi mới GDĐH Việt Nam không theo kịp đổi mới về kinh tế và yêu cầu hội nhập quốc tế. Quản lí giáo dục không theo kịp xã hội hoá giáo dục. Một trong những nguyên nhân quan trọng của những hạn chế là *tư duy chậm đổi mới*, thậm chí còn có những biểu hiện lệch lạc. Tư tưởng và thói quen bao cấp đối với giáo dục vẫn còn khá nặng nề trong các ngành, các cấp và trong xã hội.

C. Cơ hội và thách thức đối với hệ thống GDĐH và sự bức thiết phải tăng cường đổi mới

1. Bối cảnh quốc tế tạo cho kinh tế - xã hội và nền GDĐH nước ta một cơ hội chưa từng có: nếu biết tranh thủ khai thác công nghệ thông tin và truyền thông, GDĐH nước ta sẽ nhanh chóng tiếp cận với các nguồn tri thức và thông tin khổng lồ phục vụ học tập và nghiên cứu, hệ thống giáo dục thế giới đang thay đổi nhanh chóng và mạnh mẽ là cơ hội tốt để GDĐH nước ta có điều kiện đi tắt, đón đầu để tiếp cận học tập, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn đất nước.

Đảng và Nhà nước ta xem giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, do đó GDĐH (bao gồm cả đào tạo và nghiên cứu khoa học) là quốc sách hàng đầu "kép", về cả hai phương diện. Nguồn nhân lực trình độ cao là nhu cầu cấp bách hàng đầu của

công nghiệp hoá - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Thành phần của sự nghiệp đổi mới và sự cải thiện đời sống của nhân dân tạo tiềm năng mới về nguồn lực cho GDĐH. Bất cập về cung/cầu của quy mô GDĐH hiện tại cũng là thời cơ lớn: nếu có cơ hội phù hợp để khắc phục bất cập đó có thể tạo nên sự phát triển mang tính bùng nổ dẫn đến chuyển biến lớn.

Tất cả các yếu tố đó là cơ hội quan trọng do bối cảnh trong nước tạo nên cho sự phát triển của GDĐH.

2. Mặt khác, trong bối cảnh toàn cầu hoá, việc thực hiện các cam kết quốc tế (Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA), Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)...) và gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), kinh tế - xã hội và GDĐH nước ta đứng trước những *thách thức* cực kì to lớn: khoảng cách giữa nước ta với các nước phát triển có thể càng gia tăng, tình trạng thất thoát chất xám từ nước ta ra các nước phát triển hơn có thể rất trầm trọng, GDĐH nước ta có thể không đủ sức cạnh tranh với sự xâm nhập và sự thu hút của GDĐH các nước; quyền lợi người học có thể bị xâm phạm, bản sắc văn hoá dân tộc và những giá trị truyền thống trong GDĐH có thể bị phai nhạt...

Trong nước, nếu GDĐH không đáp ứng được nguồn nhân lực trình độ cao và nhu cầu học tập của nhân dân thì sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá và mục tiêu chung dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh sẽ không thể sớm trở thành hiện thực.

Tóm lại, tuy đạt được một số thành tựu, hệ thống GDĐH nước ta đang thể hiện những yếu kém bất cập nặng nề. Từ thực tế đó, trước những cơ hội và thách thức to lớn, một yêu cầu bức thiết đối với GDĐH nước ta là phải *tăng cường đổi mới một cách cơ bản và toàn diện*.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1. Đổi mới GDĐH phải thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kĩ năng, trình độ và chất lượng cao cho các ngành nghề, các thành phần kinh tế thuộc tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao tiềm năng trí tuệ của đất nước.

2. Đổi mới GDĐH phải gắn kết chặt chẽ và trực tiếp góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh tiến bộ khoa học - kĩ thuật, củng cố quốc phòng, an ninh; đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.



3. Đổi mới GDĐH là quá trình hiện đại hoá hệ thống GDĐH, đổi mới tư duy GDĐH, làm cho từng trường và toàn bộ hệ thống GDĐH được nâng cao; hoàn thiện tính nhân văn, khoa học, hiện đại; kế thừa những thành quả giáo dục, đào tạo của đất nước và thế giới, phát huy bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại, phù hợp và tiếp cận nhanh với xu thế phát triển GDĐH của các nước phát triển.

4. Hệ thống GDĐH phải bảo đảm tính thực tiễn và tính hiệu quả. Phát triển mạnh các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập. Tạo điều kiện thuận lợi về chính sách để mọi tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tham gia phát triển GDĐH một cách bình đẳng.

5. Đổi mới quản lí GDĐH theo hướng nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của từng trường và của toàn bộ hệ thống; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lí nhà nước về giáo dục.

6. Đổi mới GDĐH phải được tiến hành đồng bộ, từ mục tiêu, quy trình, nội dung đến phương pháp; gắn bó chặt chẽ và tạo động lực để tiếp tục đổi mới đồng bộ và mạnh mẽ giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp. Mở rộng quy mô đào tạo; giải quyết tốt mối quan hệ giữa nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô, giữa thực hiện công bằng xã hội và đảm bảo hiệu quả đào tạo.

7. Đổi mới GDĐH là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục. Phát huy vai trò chủ thể của công cuộc đổi mới là các trường đại học mà nòng cốt là đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lí và sự hưởng ứng, tham gia tích cực của toàn xã hội, trước hết là các nhà khoa học, nhà hoạt động xã hội, các nhà sử dụng lao động, sinh viên và gia đình.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐẾN NĂM 2020

A. Mục tiêu chung

Đến năm 2020, GDĐH phải có bước chuyển cơ bản về chất lượng và quy mô, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao trí tuệ của dân tộc, tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, nâng một số trường đại học lên đẳng cấp quốc tế, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nguồn nhân lực và nền kinh tế đất nước.

B. Mục tiêu cụ thể

1. Hoàn chỉnh mạng lưới các cơ sở GDĐH trên phạm vi toàn quốc, có sự phân tầng rõ rệt,

đảm bảo hợp lí cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền, đồng thời phù hợp với quy hoạch tổng thể của các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương.

2. Hoàn thiện việc phân chia các chương trình đào tạo theo hai hướng: nghiên cứu và nghề nghiệp - ứng dụng. Sử dụng quy trình đào tạo mềm dẻo, kết hợp mô hình truyền thống với mô hình nhiều giai đoạn và chuyển các cơ sở GDĐH sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập ở các trường đại học, coi trọng việc gắn liền học với thực tập, học với nghiên cứu khoa học, nâng cao kĩ năng nghề nghiệp.

3. Mở rộng quy mô đào tạo, đạt tỉ lệ 200 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2010 và 450 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2020, trong đó có 70-80% tổng số sinh viên theo học các chương trình nghề nghiệp - ứng dụng và phấn đấu đạt khoảng 40% tổng số sinh viên thuộc các trường ngoài công lập. Xây dựng một vài trường đại học đẳng cấp quốc tế. Tăng số lượng lưu học sinh nước ngoài tại Việt Nam.

4. Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lí GDĐH có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lí tiên tiến, hiện đại; bảo đảm đến năm 2010 có ít nhất 40% giảng viên có trình độ thạc sĩ và 25% có trình độ tiến sĩ, đến năm 2020 có ít nhất 60% giảng viên có trình độ thạc sĩ và 35% có trình độ tiến sĩ. Tỉ lệ sinh viên/giảng viên của cả hệ thống GDĐH không quá 20; đối với các ngành khoa học tự nhiên, kĩ thuật và công nghệ không quá 15; các ngành kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn không quá 25.

5. Nâng cao rõ rệt quy mô và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở GDĐH. Các trường đại học lớn phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh của cả nước. Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất và dịch vụ đạt tối thiểu 15% tổng nguồn thu của trường vào năm 2010 và 25% vào năm 2020.

6. Đạt được thỏa thuận về công nhận bằng cấp với các nước trong khu vực và trên thế giới; các trường đại học của Việt Nam có được các thỏa thuận về tương đương chương trình đào tạo với các trường đại học của các nước, tạo cơ sở

(Xem tiếp trang 18)